

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 3985/2024/KDTM-ST

Ngày: 26-8-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ  
MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lệ Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Đăng Vạn

2/ Bà Đặng Thị Thu Oanh

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuyền – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 204/2023/TLST-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4699/2024/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5941/2024/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N2 (tên viết tắt: V)

Trụ sở chính: Số A T, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh L, chức vụ: Phó phụ trách Phòng Khách hàng của V chi nhánh G, là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền số: 338/UQ-VCB-GDI ngày 22/5/2023

Địa chỉ liên hệ: Số D L, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần H3

Trụ sở: Số H Đường số F, Khu dân cư C, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:* Ông Võ Ngọc T1, sinh năm 1983 – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1985

3.2 Ông Nguyễn Quang T2, sinh năm 1981

3.3 Trẻ Nguyễn Hà Phương N, sinh năm 2010

3.4 Trẻ Nguyễn Minh Q, sinh năm 2013

(*Người đại diện theo pháp luật của trẻ N, trẻ Q: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Quang T2*)

*Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Quang T2: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1985 là đại diện theo ủy quyền*

Cùng địa chỉ: E2 khu nhà ở F, số A Đường B, Khu phố F, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5 Ông Lê Văn C, sinh năm 1981

3.6 Ông Lê Tấn P, sinh năm 1990

3.7 Ông Nguyễn Quang P1, sinh năm 1989

3.8 Ông Bùi Minh H1, sinh năm 1990

3.9 Ông Phạm Hồng P2

3.10 Ông Nguyễn Thu N1

Cùng địa chỉ: Số A Đ, Khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*Ông Nguyễn Thanh L và bà Trần Thị Thu H có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP N2 - ông Nguyễn Thanh L trình bày:*

Ngân hàng TMCP N2 – chi nhánh G (sau đây gọi tắt là: V) và bị đơn có tên cũ là Công ty Cổ phần P3 – nay đã đổi tên thành Công ty Cổ phần H3 (sau đây gọi tắt là: Công ty H3) đã ký các Hợp đồng cấp tín dụng số 0303/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0303/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0304/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0304/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022. Theo đó, V đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho Công ty H3 vay tổng số tiền là 31.800.000.000 đồng; mục đích cấp tín dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh theo ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty H3; thời hạn cho vay là 175 ngày kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất áp dụng là 7,1%/năm; lãi suất quá hạn sẽ bằng 150% của lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty HD2C cùng với vợ chồng bà Trần Thị Thu H, ông Nguyễn Quang T2 đã thế chấp cho V các tài sản bảo đảm sau:

(1) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 0268/GDI.KH/TC22 ngày 24/8/2022 giữa V với bên thế chấp là vợ chồng bà Trần Thị Thu H, ông Nguyễn Quang T2. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 1187, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Số A Đ, Khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 941271 (số vào sổ cấp GCN: CS07257) do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 11/3/2021. Đã đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T ngày 25/8/2022;

(2) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 0288/GDI.KH/TC22 ngày 21/9/2022 giữa V với bên thế chấp là vợ chồng bà Trần Thị Thu H, ông Nguyễn Quang T2. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 72, địa chỉ: Số A Đường B, Khu phố F, phường P, Quận I nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 545610 (số vào sổ cấp GCN: CS11491/DA) do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 19/7/2017. Đã đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T ngày 22/9/2022;

(3) Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 0269/GDI.KH/TC22 ngày 24/8/2022 giữa V với bên thế chấp là Công ty H3. Tài sản thế chấp là Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng của Công ty Cổ phần H3. Đã đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/8/2022.

Thực hiện hợp đồng, V đã giải ngân tổng cộng 20.928.673.510 đồng cho Công ty HD2C theo các Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ kèm theo, cụ thể:

+ Giấy nhận nợ số: 01 ngày 29/8/2022, số tiền giải ngân là 7.126.470.780 đồng;

+ Giấy nhận nợ số: 02 ngày 30/8/2022, số tiền giải ngân là 5.681.027.180 đồng;

+ Giấy nhận nợ số: 03 ngày 31/8/2022, số tiền giải ngân là 1.192.000.000 đồng;

+ Giấy nhận nợ số: 04 ngày 27/9/2022, số tiền giải ngân là 6.929.175.550 đồng.

Trong suốt quá trình vay, Công ty H3 chỉ thanh toán được cho V số tiền nợ gốc là 25.819.180 đồng (trả theo Giấy nhận nợ ngày 29/8/2022) và nợ lãi tổng cộng là 75.138.775 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H3 đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. V đã gửi thông báo yêu cầu thanh toán nợ, nhiều lần gửi thư mời cho Công ty H3 cũng như chủ tài sản bảo đảm để làm việc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, xác định nguồn thanh toán và kế hoạch trả nợ các khoản

vay nhưng phía Công ty HD2C không hợp tác. Đến nay đã hết thời hạn vay nhưng Công ty H3 vẫn không tiến hành thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho V.

Vì vậy, V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty H3 trả ngay một lần số tiền là 25.107.474.820 đồng, trong đó: nợ gốc là 20.902.854.330 đồng và nợ lãi tính đến ngày 26/8/2024 là 4.204.620.490 đồng. Ngoài ra, Công ty H3 còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong: Hợp đồng cấp tín dụng số 0303/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0303/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0304/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0304/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022; và các Giấy nhận nợ: ngày 29/8/2022, ngày 30/8/2022, ngày 31/8/2022 và ngày 27/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp Công ty H3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì Công ty HD2C vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho V.

*Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Thu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang T2 và là người đại diện theo pháp luật của 02 trẻ Nguyễn Hà Phương N, Nguyễn Minh Q trình bày như sau:* Bà H xác nhận vợ chồng bà là chủ sở hữu của 02 bất động sản gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 1187, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Số A Đ, Khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; và Q1 sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 72, địa chỉ: Số A Đường B, Khu phố F, phường P, Quận I nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông bà đã thế chấp 02 tài sản trên cho V Gia Định để đảm bảo khoản vay của Công ty H3 theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0303/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0303/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0304/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0304/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022.

Do Công ty H3 vi phạm về nghĩa vụ trả nợ cho V, nên đối với yêu cầu khởi kiện của V bà có ký kiến như sau: Để thực hiện theo đúng cam kết giữa vợ chồng bà, Công ty H3 và V. Trong trường hợp Công ty H3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, ông bà đồng ý để V yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các tài sản của vợ chồng bà đã thế chấp nêu trên để thu hồi nợ đối với các khoản vay của Công ty H3. Bà H cam kết sẽ giữ nguyên hiện trạng tài sản thế chấp, không thay đổi người thuê nhà cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

*Bị đơn là Công ty Cổ phần H3 (người đại diện theo pháp luật là ông Võ Ngọc T1) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Văn C,*

ông Lê Tấn P, ông Nguyễn Quang P1 và ông Bùi Minh H1, ông Phạm Hồng P2, ông Nguyễn Thu N1: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh L trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty Cổ phần H3 trả ngay một lần số tiền tính đến ngày 26/8/2024 là: 25.107.474.820 đồng (trong đó: nợ gốc là 20.902.854.330 đồng và nợ lãi là 4.204.620.490 đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0303/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0303/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0304/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0304/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022; và các Giấy nhận nợ: ngày 29/8/2022, ngày 30/8/2022, ngày 31/8/2022 và ngày 27/9/2022. Cụ thể như sau:

+ Đối với Giấy nhận nợ số 01 ngày 29/8/2022:

Nợ gốc là: 7.100.651.600 đồng;

Nợ lãi trong hạn là: 203.058.584 đồng;

Nợ lãi quá hạn (tính từ ngày 21/02/2023 đến ngày 26/8/2024) là: 1.145.724.180 đồng;

Lãi chậm trả là: 86.964.248 đồng.

+ Đối với Giấy nhận nợ số 02 ngày 30/8/2022:

Nợ gốc là: 5.681.027.180 đồng;

Nợ lãi trong hạn là: 163.551.325 đồng;

Nợ lãi quá hạn (tính từ ngày 22/02/2023 đến ngày 26/8/2024) là: 915.003.359 đồng;

Lãi chậm trả là: 69.627.366 đồng.

+ Đối với Giấy nhận nợ số 03 ngày 31/8/2022:

Nợ gốc là: 1.192.000.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn là: 34.548.405 đồng;

Nợ lãi quá hạn (tính từ ngày 23/02/2023 đến ngày 26/8/2024) là: 191.639.310 đồng;

Lãi chậm trả là: 14.596.598 đồng.

+ Đối với Giấy nhận nợ số 04 ngày 27/9/2022:

Nợ gốc là: 6.929.175.550 đồng;

Nợ lãi trong hạn là: 235.876.729 đồng;

Nợ lãi quá hạn (tính từ ngày 22/3/2023 đến ngày 26/8/2024) là: 1.059.423.481 đồng;

Lãi chậm trả là: 84.606.906 đồng.

Kể từ ngày 27/8/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ, Công ty H3 còn phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 1187, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Số A Đ, Khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 0268/GDI.KH/TC22 ngày 24/8/2022 giữa V với bên thế chấp là vợ chồng bà Trần Thị Thu H, ông Nguyễn Quang T2; Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 72, địa chỉ: Số A Đường B, Khu phố F, phường P, Quận I nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 0288/GDI.KH/TC22 ngày 21/9/2022 giữa V với bên thế chấp là vợ chồng bà Trần Thị Thu H, ông Nguyễn Quang T2; và Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng của Công ty Cổ phần H3 theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 0269/GDI.KH/TC22 ngày 24/8/2022 giữa V với bên thế chấp là Công ty H3. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty H3 vẫn phải có nghĩa vụ trả tiếp cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thu H (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang T2 và là người đại diện theo pháp luật của 02 trẻ Nguyễn Hà Phương N, Nguyễn Minh Q) trình bày: Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp Công ty H3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho V thì vợ chồng bà đồng ý để V yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi 02 tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà như đã nêu trên để thu hồi nợ. Từ khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đến nay, gia đình bà không tiến hành sửa chữa, nâng cấp bất cứ hạng mục nào và cũng không cho thêm ai thuê nhà.

Bị đơn Công ty Cổ phần H3 (người đại diện theo pháp luật là ông Võ Ngọc T1); những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Lê Văn C, ông Lê Tấn P, ông Nguyễn Quang P1 và ông Bùi Minh H1, ông Phạm Hồng P2, ông Nguyễn Thu N1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thủ tục thụ lý, cấp tổng đạt văn bản, nộp tiền tạm ứng án phí đúng theo quy định của pháp luật. Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Gửi quyết định xét xử cho các đương sự, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, cũng như việc gửi hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu được thực hiện đúng quy định pháp luật. Xác định đúng người tham gia tố tụng trong vụ án, tại phiên tòa xét xử vắng mặt đương sự đúng theo của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định pháp luật. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự, người đại diện ủy quyền

của đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, văn bản ủy quyền đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 26/8/2024 là: 25.107.474.820 đồng (trong đó: nợ gốc là 20.902.854.330 đồng và nợ lãi là 4.204.620.490 đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0303/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0303/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0304/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0304/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022; và các Giấy nhận nợ: ngày 29/8/2022, ngày 30/8/2022, ngày 31/8/2022 và ngày 27/9/2022. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả tiếp cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP N2 khởi kiện yêu cầu bị đơn là Công ty Cổ phần HD2C trả tiền nợ gốc và lãi theo: Hợp đồng cấp tín dụng số 0303/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0303/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0304/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0304/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022; và các Giấy nhận nợ: ngày 29/8/2022, ngày 30/8/2022, ngày 31/8/2022 và ngày 27/9/2022. Xét, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo thỏa thuận tại mục 10.1 Điều 10 Hợp đồng cấp tín dụng số 0303/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022 quy định về giải quyết tranh chấp, các bên thống nhất khi có tranh chấp mà các bên không thương lượng được thì sẽ giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền của Việt Nam nơi Ngân hàng TMCP N2 – chi nhánh G có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện. Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh M chi nhánh: 0100112437-152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 10/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/02/2021 thì Ngân hàng TMCP N2 – chi nhánh G có địa chỉ tại: Số D L, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục sơ thẩm.

Theo Công văn số 6707/ĐKKD-T6 ngày 14/8/2023 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cung cấp thì: Công ty Cổ phần H3 – Tên cũ: Công ty Cổ phần P3 (Mã số doanh nghiệp C1), cụ thể: đăng ký lần đầu ngày 18/3/2006 tên công ty: Công ty Cổ phần P3, tại đăng ký thay đổi lần 8 ngày 22/9/2022 đổi tên công ty: Công ty Cổ phần H3. Do đó, xác định bị đơn là Công ty Cổ phần H3.

Bị đơn là Công ty Cổ phần H3 (người đại diện theo pháp luật là ông Võ Ngọc T1) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Lê Văn C, ông Lê Tấn P, ông Nguyễn Quang P1 và ông Bùi Minh H1, ông Phạm Hồng P2, ông Nguyễn Thu N1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

Về chứng cứ của vụ án: Tòa án đã đảm bảo việc công khai các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đương sự không giao nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

[2] Về pháp luật nội dung:

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần H3 trả ngay một lần số tiền tính đến ngày 26/8/2024 là: 25.107.474.820 đồng (trong đó: nợ gốc là 20.902.854.330 đồng và nợ lãi là 4.204.620.490 đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0303/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0303/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0304/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0304/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022; Các Giấy nhận nợ: ngày 29/8/2022, ngày 30/8/2022, ngày 31/8/2022, ngày 27/9/2022 và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 0268/GDI.KH/TC22 ngày 24/8/2022, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 0288/GDI.KH/TC22 ngày 21/9/2022 và Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 0269/GDI.KH/TC22 ngày 24/8/2022 trong trường hợp Công ty H3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty H3 vẫn phải có nghĩa vụ trả tiếp cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên.

Hội đồng xét xử xét:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP N2 được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100112437 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp lần đầu



ngày 02/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06/9/2021. V hoạt động theo ủy quyền của V theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 0100112437-152 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 10/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/02/2021. Công ty Cổ phần H3 (tên cũ: Công ty Cổ phần P3) là doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam có nhu cầu vay trong hoạt động kinh doanh. Do đó, các Hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng cho vay, hợp đồng thế chấp và các giấy nhận nợ mà V ký kết với Công ty Cổ phần P3 nay là Công ty Cổ phần H3 có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng cấp tín dụng số 0303/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0303/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0304/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0304/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022, các Giấy nhận nợ: ngày 29/8/2022, ngày 30/8/2022, ngày 31/8/2022 và ngày 27/9/2022 do nguyên đơn và bị đơn ký kết, bảng sao kê tín dụng, bảng chiết tính lãi, các Hợp đồng kinh tế, hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty H3 mà nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 20.928.673.510 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh theo ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty H3. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 25.819.180 đồng (trả ngày 30/12/2022 đối với Giấy nhận nợ ngày 29/8/2022) và nợ lãi tổng cộng 75.138.775 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ kỳ hạn thanh toán tháng 10/2022. V đã ban hành Thông báo thanh toán nợ số 701/TB-GDI-KH ngày 31/10/2022 về việc vi phạm nghĩa vụ, chuyển nhóm nợ xấu (thông báo này đã gửi Công ty Cổ phần H3) và thông báo khởi kiện.

Tính đến thời điểm xét xử (ngày 26/8/2024), bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 20.902.854.330 đồng nên nguyên đơn có quyền thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của bị đơn là có căn cứ theo quy định của khoản 9.2 Điều 9 Hợp đồng cấp tín dụng và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Do vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ nợ gốc 20.902.854.330 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả tiền lãi: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn kể từ tháng 10/2022. Căn cứ các Giấy nhận nợ: ngày 29/8/2022, ngày 30/8/2022, ngày 31/8/2022 và ngày 27/9/2022 thì lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm giải ngân là 7,1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Theo Thông báo thanh toán nợ số 701/TB-GDI-KH ngày 31/10/2022 về việc vi phạm nghĩa vụ, chuyển nhóm nợ xấu và các Thông báo nợ xấu và xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay số 007/GDI-KH ngày 04/01/2023, số 065/GDI-KH ngày 04/01/2023, số 120A/GDI-KH ngày 28/02/2023 về việc vi phạm nghĩa vụ, xử lý tài sản để thu hồi và Bảng kê tính lãi chi tiết của V thì tính đến ngày 26/8/2024 tổng tiền lãi Công ty H3 còn nợ là 4.204.620.489 đồng (trong đó: tổng lãi trong hạn là 637.035.044 đồng, tổng lãi quá hạn là 3.311.790.329 đồng, tổng lãi chậm trả là 255.795.117 đồng).

Xét, việc tính lãi của V phù hợp với thỏa thuận của đôi bên, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 8 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên việc V yêu cầu Công ty H3 trả tổng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/8/2024) với số tiền là 4.204.620.489 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty Cổ phần H3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ:

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bà Trần Thị Thu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang T2 và là người đại diện theo pháp luật của 02 trẻ Nguyễn Hà Phương N, Nguyễn Minh Q xác định: Bà H xác nhận vợ chồng bà là chủ sở hữu của 02 bất động sản gồm Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 1187, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Số A Đ, Khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; và Q1 sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 72, địa chỉ: Số A Đường B, Khu phố F, phường P, Quận I nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông bà đã thế chấp 02 tài sản trên cho V Gia Định để đảm bảo khoản vay của Công ty H3 theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0303/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0303/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0304/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0304/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022. Trường hợp Công ty H3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, ông bà đồng ý để V yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các tài sản của vợ chồng bà đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 0268/GDI.KH/TC22 ngày 24/8/2022, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 0288/GDI.KH/TC22 ngày 21/9/2022 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 0269/GDI.KH/TC22 ngày 24/8/2022 giữa V với bên thế chấp là Công ty H3. Tài sản thế chấp là Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng của Công ty Cổ phần H3, đã đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/8/2022 thì việc các bên ký hợp đồng thế chấp là hoàn

toàn tự nguyện.

Xét, tài sản thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 117, 118, 119, 292, 295, 298, 318, 320, 322 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên có giá trị đảm bảo cho việc thanh toán nợ cho V theo các hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 323, Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết nội dung vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp theo Thông báo nộp tạm ứng chi phí tố tụng số: 4818/TB-TA ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là 133.107.475 đồng. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 117, Điều 118, Điều 119, khoản 1 Điều 280, Điều 292, Điều 295, Điều 299, Điều 320, Điều 322 Điều 323, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP N2 về việc buộc Công ty Cổ phần H3 có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần H3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N2 toàn bộ nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 26/8/2024 là 25.107.474.820 đồng (trong đó: nợ gốc là 20.902.854.330 đồng, nợ lãi trong hạn là 637.035.044 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.311.790.329 đồng và nợ lãi chậm trả là 255.795.117 đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0303/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0303/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0304/GDI.KH/LD22 ngày 24/8/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0304/GDI.KH/LD22 ngày 21/9/2022 và các Giấy nhận nợ: ngày 29/8/2022, ngày 30/8/2022, ngày 31/8/2022 và ngày 27/9/2022. Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/8/2024) cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần H3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ nói trên.

Trong trường hợp Công ty Cổ phần H3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ nói trên thì Ngân hàng TMCP N2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, kê biên và phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 0268/GDI.KH/TC22 ngày 24/8/2022 giữa V với bên thế chấp là vợ chồng bà Trần Thị Thu H, ông Nguyễn Quang T2. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 1187, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Số A Đ, Khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 941271 (số vào sổ cấp GCN: CS07257) do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 11/3/2021. Đã đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T ngày 25/8/2022;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 0288/GDI.KH/TC22 ngày 21/9/2022 giữa V với bên thế chấp là vợ chồng bà Trần Thị Thu H, ông Nguyễn Quang T2. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 72, địa chỉ: Số A Đường B, Khu phố F, phường P, Quận I nay là thành phố T, Thành phố

Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 545610 (số vào sổ cấp GCN: CS11491/DA) do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 19/7/2017. Đã đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T ngày 22/9/2022;

- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 0269/GDI.KH/TC22 ngày 24/8/2022 giữa V với bên thế chấp là Công ty H3. Tài sản thế chấp là Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng của Công ty Cổ phần H3. Đã đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/8/2022.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Cổ phần HD2C vẫn phải có nghĩa vụ trả tiếp cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên.

Trong trường hợp Công ty Cổ phần H3 thanh toán xong tất cả các khoản nợ phát sinh trước khi Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng TMCP N2 có nghĩa vụ tiến hành ngay thủ tục giải chấp và trả lại toàn bộ giấy tờ đã giữ của vợ chồng bà Trần Thị Thu H, ông Nguyễn Quang T2 và Công ty Cổ phần H3 liên quan đến tài sản thế chấp; trừ trường hợp bên thế chấp còn phải thực hiện nghĩa vụ khác đối với Ngân hàng TMCP N2.

2/ Về chi phí tố tụng: Công ty Cổ phần H3 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N2 số tiền 10.000.000 đồng là chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã nộp theo Thông báo nộp tạm ứng chi phí tố tụng số: 4818/TB-TA ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với khoản tiền 10.000.000 đồng là chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần H3 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 133.107.475 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

H2 lại cho Ngân hàng TMCP N2 số tiền tạm ứng án phí là 65.007.810 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số AA/2023/0003790 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lệ Quyên**